

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2019/DS-PT  
Ngày: 05-7-2019  
Về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên  
Các Thẩm phán : Ông Trần Đức Nam  
Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền-Cán bộ  
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn  
Bích Trâm - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 26 tháng 6 và 05 tháng 7 N1 2019 tại phòng xử án của Tòa án  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:  
484/DSPT ngày 05 tháng 10 N1 2018 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 23 tháng 8 N1 2018 của  
Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2611/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng  
6 N1 2019, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc O.

Địa chỉ: 10 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông O là bà Nguyễn Thị N1.

Địa chỉ: 72/36 phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 06/11/2017 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D)

(Bà N1 có mặt, ông O vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy N.

Địa chỉ: 7 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức N.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 21/6/2019 tại Văn phòng công chứng Lê  
Văn S.

(Bà N, ông N có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Mai Lâm P- Luật sư thuộc  
Công ty luật TNHH MTV A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Luật sư P có mặt).

*4. Người kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị Thúy N.

Địa chỉ: 7 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức N.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 21/6/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Văn S.

(Bà N, ông N có mặt).

**NHẬN THẤY:**

*\*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc O trình bày:*

Ngày 01/9/2016, bà Nguyễn Thị Thúy N (chị ruột) có cho ông O mượn số tiền 300.000.000 đồng để ông trả cho bà Trương Thị L (chia tài sản khi ly hôn). Sợ ông không bán nhà trả nợ nên bà N buộc ông phải thực hiện điều kiện:

-Cập nhật thông tin cho bà N được đứng tên chung trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 914679 (sổ vào sổ cấp GCN CH 00651) ngày 29/10/2010 (gọi tắt là Giấy chứng nhận số BB 914679) do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Quốc O đối với nhà đất tại địa chỉ: số 10, đường 34, khu phố 3, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Giao bản chính Giấy chứng nhận cho bà N giữ.

-Bà N là người đứng ra bán căn nhà, tiền bán nhà do bà N giữ và trừ vào số tiền đã cho ông mượn, còn lại sẽ trả lại cho ông.

Ngày 14/11/2016 ông đến Phòng công chứng ký văn bản cho bà N đứng tên chung trên Giấy chứng nhận số BB 914679.

Ngày 11/01/2017, bà N lập thủ tục cập nhật thông tin đứng tên chung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Ngày 03/3/2017, bà N bán căn nhà, theo hợp đồng đặt cọc mua nhà là 1.200.000.000 đồng, thủ tục mua bán nhà do bà N thực hiện, tiền bà N tạm giữ, ông chỉ ký tên vào hợp đồng mua bán.

Tháng 10/2017, bà N đưa cho ông danh sách trả nợ dùm ông số tiền là 692.000.000 đồng trong khi ông chỉ nợ bà N 300.000.000 đồng (còn tên những người bà N tự ghi yêu cầu ông trả nợ ông không đồng ý). Ông chỉ thừa nhận nợ bà N 300.000.000 đồng cộng tiền lãi 100.000.000 đồng.

Ông khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại cho ông 800.000.000 đồng là số tiền bán nhà còn lại. Yêu cầu trả một lần Ny sau khi bản án của Tòa có hiệu lực.

*Theo Bản tự khai đề ngày 18/12/2017 và 05/01/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc O có bà Nguyễn Thị N1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà thống nhất nội dung trình bày theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017 của ông Nguyễn Quốc O. Bà có các yêu cầu như sau:

1/ Yêu cầu bà N thực hiện theo tờ cam kết do bà N đứng tên lập ngày 14/11/2016: trả lại số tiền bán nhà còn lại cho ông O.

2/ Yêu cầu bà N cung cấp địa chỉ những người nằm trong danh sách bà N lập để trừ tiền bán nhà của ông O (trả nợ thay ông O) để Tòa án mời lên làm việc.

3/ Yêu cầu Tòa án tiến hành làm thủ tục giám định chữ ký và chữ viết ghi tên Nguyễn Quốc O tại “Tờ cam kết” ghi ngày 10/4/2017 do bà N cung cấp.

*Theo Bản tự khai đề ngày 28/3/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc O trình bày:*

Ông O khẳng định chữ ký và chữ viết ghi tên Nguyễn Quốc O tại “Tờ cam kết” ghi ngày 10/4/2017 do bà N cung cấp là không phải chữ ký và chữ viết của ông. Ông tiếp tục đề nghị bà N phải trả lại cho ông số tiền bán nhà còn lại, đồng thời ông O lập Bản tường trình cung cấp mẫu chữ viết và mẫu chữ ký của ông cho Tòa án, yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết tên ông tại “Tờ cam kết” ngày 10/4/2017.

*\*Theo Bản tự khai đề ngày 03/01/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:*

Bà và ông O là hai chị em. Bà và ông O là đồng sở hữu căn nhà số 10 đường 34, khu phố 3, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bán được 1.200.000.000 đồng. Ông O đã dùng số tiền này để trả các khoản vay mượn từ các N1 trước đây như sau:

- Trả nợ bà cô K số tiền: 350.000.000 đồng (dùng trả bà L khi ly hôn).
- Trả phí dịch vụ bà N là: 20.000.000 đồng (án ly hôn cho O).
- Trả nợ cô L1 số tiền: 104.000.000 đồng (vay 50.000.000 đồng + lãi 3 N1 là 54.000.000 đồng).
- Trả nợ cô C số tiền: 26.000.000 đồng (gồm: nợ vay 20.000.000 đồng + 6.000.000 đồng tiền lãi).
- Trả nợ chị H số tiền: 72.866.000 đồng (bán nhà và chuộc lại).
- Trả nợ cô T số tiền: 130.000.000 đồng (mượn để hoàn tiền O bán nhà cho chị H).
- Tiền nhận nhận cọc bán nhà sai: 15.000.000 đồng.
- Trả phí môi giới bán nhà là: 20.000.000 đồng.
- O nhận tiền bán nhà: 25.000.000 đồng.
- O mua đồ thuê nhà: 50.000.000 đồng (đi thuê nhà trọ).
- O đã nhận tiền và mua xe: 27.000.000 đồng.
- Tiền cấp dưỡng cho con: 108.000.000 (đến khi con 18 tuổi).
- Nhận tiền tại Ngân hàng: 300.000.000 đồng.

Tiền bán nhà đã phải trả cho những khoản trên. Phần còn lại ông O bị kẻ xấu lợi dụng cũng đã xài hết. Mọi khoản tiền ông O sử dụng được cả gia đình

chứng nhận, ông O cũng đã xác nhận. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông O.

Ngày 28/02/2018, bà N nộp “Đơn yêu cầu giám định chứng cứ giả”, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận H ra quyết định trưng cầu giám định ký tự giả chữ ký của bà để xác định “Giấy cam kết” ngày 14/11/2016 là chứng cứ giả mạo. Ngoài ra, bà N cung cấp thêm bản photo “Tờ cam kết” của Nguyễn Quốc O với bà có toàn thể gia đình làm chứng lập ngày 10/4/2017 cho Tòa án.

\* Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án:

Ngày 28/02/2018, Tòa án nhân dân Quận H đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 10/2018/TB-TA tổng đạt cho bà N ký nhận tại Tòa cùng ngày nhưng bà N không thực hiện việc nộp tạm ứng chi phí tố tụng trên.

Cũng trong ngày 28/02/2018, bà N cung cấp cho Tòa bản photo “Tờ cam kết” (một tờ giấy tập học sinh ghi cả hai mặt) ngày 10/04/2017 được ký bởi Nguyễn Quốc O, Nguyễn Nam P, Nguyễn Tâm P, Nguyễn Thống Q.

Căn cứ theo yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết Nguyễn Quốc O tại “Tờ cam kết” (một tờ giấy tập học sinh ghi cả hai mặt) ngày 10/04/2017 của bà N. Ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân Quận H đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 180/2018/QĐST-CCTLCC về việc yêu cầu bà N cung cấp cho Tòa án nhân dân Quận H chứng cứ: Bản chính “Tờ cam kết” (một tờ giấy tập học sinh ghi cả hai mặt) ngày 10/04/2017 được ký bởi Nguyễn Quốc O, Nguyễn Nam P, Nguyễn Tâm P, Nguyễn Thống Q trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận quyết định. Ngày 04/4/2018, bà N đã nhận được Quyết định này nhưng không thực hiện việc giao nộp chứng cứ cho Tòa án mà không có lý do chính đáng.

Ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân Quận H tiếp tục ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 263/2018/QĐST-CCTLCC về việc yêu cầu bà N cung cấp cho Tòa án nhân dân Quận H chứng cứ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định:

- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh ông Nguyễn Quốc O có vay nợ của những người như bà N trình bày tại bản tự khai ngày 03/01/2018 và giấy tờ tài liệu chứng minh bà đã chi trả các khoản nợ này thay cho ông O.

- Yêu cầu bà N cung cấp họ tên đầy đủ, địa chỉ cư trú của những người cho ông O vay tiền và đã được bà trả nợ thay cho ông O.

Ngày 14/5/2018, bà N đã nhận được Quyết định này nhưng không thực hiện việc giao nộp chứng cứ cho Tòa án mà không có lý do chính đáng.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà

N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo yêu cầu của Tòa án.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc O có bà Nguyễn Thị N1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông O xác nhận bà N có tạm ứng cho ông O mượn một số tiền như sau:

- Ngày 19/4/2016, bà N cho mượn 274.221.333 đồng.
- Ngày 01/9/2016, bà N cho mượn 26.137.707 đồng.

Hai khoản tiền này bà N cho ông O mượn để trả tiền chia tài sản chung và tiền án phí trong vụ án ly hôn của ông O.

- Ngày 03/3/2017, bà N đưa ông O: 25.000.000 đồng (ông O nhận cọc).
- Ngày 05/01/2018, Bà N chuyển cho ông O 300.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông O xác nhận bà N đã đưa cho ông là: 625.359.040 đồng.

Tại Tòa hôm nay, ông O yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền bán nhà còn lại là: 574.640.960 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N có ông Nguyễn Thế T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Tại Tòa hôm nay, bà N đồng ý nộp Bản chính “Tờ cam kết” (một tờ giấy tập học sinh ghi cả hai mặt) ngày 10/04/2017 được ký bởi Nguyễn Quốc O, Nguyễn Nam P, Nguyễn Tâm P, Nguyễn Thống Q cho Hội đồng xét xử. Yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào “Tờ cam kết” ngày 10/04/2017 để làm căn cứ xét xử vụ án.

Ngoài ra, trước đây bà N có nộp đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà tại “Giấy cam kết” ngày 14/11/2016 nhưng do bà N có khó khăn về tài chính không thể có số tiền 5.000.000 đồng để nộp tạm ứng chi phí tố tụng và sau khi nghe tôi giải thích thì bà N đã đồng ý đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng để Tòa án tiến hành trưng cầu giám định ký tự giả chữ ký của bà N để xác định “Giấy cam kết” ngày 14/11/2016 là chứng cứ giả mạo. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà N.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N – ông Nguyễn Thế H trình bày:*

Do bà N thiếu tin tưởng Thẩm phán và do không am hiểu pháp luật nên bà N đã không thực hiện theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và Quyết định yêu cầu chứng cứ. Sau khi nghe ông giải thích, tại Tòa hôm nay, bà N đồng ý nộp Bản chính “Tờ cam kết” ngày 10/04/2017, đồng thời đồng ý đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng để Tòa tiến hành trưng cầu giám định ký tự giả chữ ký của bà để xác định “Giấy cam kết” ngày 14/11/2016 là chứng cứ giả mạo. Đề

ngợi Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà N.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc O có bà Nguyễn Thị N là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà N đề nghị Tòa án không chấp nhận “Tờ cam kết” ngày 10/04/2017 là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án và không cần thiết phải giám định chữ ký giả mạo của ông O trong “Tờ cam kết” ngày 10/04/2017 vì đây là tài liệu, chứng cứ bà N đã cố ý không giao nộp và được nộp sau khi Tòa án ra quyết định xét xử. Tôi cũng không đồng ý hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của bà N tại “Giấy cam kết” ngày 14/11/2016, vì phía bà N đang cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Bà đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi hội ý Hội đồng xét xử quyết định: không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của đại diện theo ủy quyền và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thế T và Luật sư Nguyễn Thế H không đồng ý với quyết định của Hội đồng xét xử, tự rời phiên tòa không tiếp tục tham gia phiên xét xử.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

“- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 103, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự NI 2015;

- Căn cứ Điều 181, 274, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc O:

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy N phải trả lại cho ông Nguyễn Quốc O số tiền là 574.640.960 đồng (NI trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quốc O có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Thúy N chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà N còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 26.985.638 đồng bà Nguyễn Thị Thúy N phải chịu.

*Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng theo biên lai số 0008636 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 06/9/2018 bà Nguyễn Thị Thúy N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

-Bà N yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký của bà N tại Tờ cam kết ngày 14/11/2016 vì cho là có giả mạo chữ ký của bà N.

-Bà N1 yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký của ông Nguyễn Quốc O tại Tờ cam kết ngày 10/4/2017 vì cho là có giả mạo chữ ký của ông O.

Hội đồng xét xử đã tiến hành trung cầu giám định theo yêu cầu của các bên đương sự, tuy nhiên sau đó bà N1 không thực hiện thủ tục giám định theo hướng dẫn của Tòa án.

*Bà N, ông O có bà N1 đại diện thống nhất xác định:*

-Giá bán nhà số 10 đường 34, khu phố 3, phường B, Quận H là 1.200.000.000 đồng.

-Bà N, bà N1 đều không khiếu nại kết quả giám định tại Kết luận giám định số: 1955/C09B ngày 07/5/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, bà N đã nộp bản sao Tờ cam kết ngày 10/4/2017 cho Tòa án nhân dân Quận H đồng thời đã xuất trình bản chính tài liệu cho Thẩm phán kiểm tra, đối chiếu nhưng bà N không đồng ý nộp bản chính để Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của bà N1 là người đại diện theo ủy quyền của ông O.

*Bà N1 trình bày:*

-Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

-Ông O bận việc nên không thể đến Tòa án để đối chất với bà N tại phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án, ông O đã ủy quyền cho bà N1 nên không cần triệu tập ông O.

-Bà N1 rút lại yêu cầu giám định và không thừa nhận Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 vì cho rằng chữ ký trên Tờ cam kết không phải là của ông O.

-Bà N được ông O tặng cho một phần quyền sở hữu nhà số 10 đường 34, khu phố 3, phường B, Quận H và được đứng tên chung trên Giấy chứng nhận số BB 914679 là do ông O có mượn của bà N số tiền 300.000.000 đồng. Về nguyên tắc, bà N, ông O mỗi người được sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản nhưng theo Tờ cam kết lập ngày 14/11/2016 thì bà N chỉ được giữ lại 300.000.000 đồng, ông O mới chỉ nhận được số tiền là 625.359.040 đồng, yêu cầu bà N trả tiếp số tiền là 574.640.960 đồng.

-Sau khi được đứng tên sở hữu chung, bà N có bỏ tiền sửa chữa, trang trí nhà cửa nhưng số tiền là bao nhiêu thì bà không rõ.

*Luật sư Mai Lâm P trình bày:*

-Tờ cam kết ngày 14/11/2016 là tài liệu giả mạo vì:

+Bà N đưa ông O rất nhiều tiền, rất nhiều lần và thực hiện trước ngày lập Tờ cam kết trên, không có việc bà N đưa tiền cho ông O để đồng thời thực hiện việc lập Tờ cam kết và ký hợp đồng tặng cho nhà tại Phòng Công chứng như bà N1 trình bày.

+Nội dung Tờ cam kết ngày 14/11/2016 có nhiều điểm sai: sai về số Chứng minh nhân dân của bà N; Ngày 14/11/2016 lập Tờ cam kết nhưng lại ghi “Ngày 01/9/2016 tôi Nguyễn Thị Thúy N (chị ruột) sẽ cho:..” là không đúng; bà N không ký tên vào tờ cam kết này.

+Kết luận giám định số: 1955/C09B ngày 07/5/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký trên Tờ cam kết ngày 16/11/2016 không phải của bà N.

-Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bà N, bác đơn khởi kiện của ông O.

*Bà N trình bày:*

- Nhà số 10 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ bà N tặng cho ông O, do ông O cờ bạc nợ nần quá nhiều người, bà N trả nợ thay cho ông O rất nhiều tiền và có nguyện vọng giữ lại nhà, do vậy ông O mới đồng ý cho bà N làm đồng sở hữu tài sản. Về nguyên tắc bà N và ông O mỗi người sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản nhưng thực tế sau khi được đứng tên sở hữu chung bà N còn bỏ ra thêm tiền sửa nhà, trang bị thêm tiện nghi trong nhà.

-Theo bà N1 xác định ông O đã nhận từ bà N tổng cộng 625.359.040 đồng nhưng thực tế thì nhiều hơn rất nhiều. Tờ cam kết ngày 10/4/2017 xác định bà N dùng toàn bộ số tiền bán nhà để trả nợ cho ông O đồng thời giao hết



số tiền còn lại cho ông O, lẽ ra ông O còn nợ bà N ½ giá trị căn nhà nhưng bà N không có yêu cầu tranh chấp.

-Yêu cầu ông O trả lại chi phí giám định.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án.

Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy N. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự N1 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận H theo hướng: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc O về việc buộc bà Nguyễn Thị Thúy N phải trả lại cho ông Nguyễn Quốc O số tiền 574.640.960 đồng. Án phí DSST: 26.985.638 đồng ông Nguyễn Quốc O phải chịu, được trừ vào số tiền 18.000.000 đồng ông O đã nộp theo Biên lai 0008636 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H thì ông O còn nộp thêm 8.985.638 đồng”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của bà N nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3].Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 do bà N cung cấp là chứng cứ với lý do bà N không nộp bản chính tài liệu này để thực hiện trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà N1 và nộp bản chính tài liệu sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử:

Xét thấy, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, bà N đã nộp bản sao Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 cho Tòa án và đã xuất trình bản chính cho Tòa án đối chiếu (việc này cũng được bà N1, bà N xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm) và tại phiên tòa sơ thẩm bà N đã nộp cho Hội

đồng xét xử sơ thẩm bản chính tài liệu, như vậy việc giao nộp tài liệu chứng cứ của bà N là phù hợp pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận xem xét, đánh giá giá trị chứng cứ của Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 là không đúng.

Việc bà N không giao nộp tài liệu để phục vụ cho việc giám định theo yêu cầu của Tòa án là hành vi gây khó khăn cho Tòa án khi thu thập chứng cứ.

[1.4]. Về việc giám định chữ ký:

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà N1 và bà N đều có yêu cầu giám định tài liệu, chứng cứ. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện, đúng pháp luật, Tòa án đã cho các bên làm thủ tục trưng cầu giám định chữ ký theo nguyện vọng nhưng sau đó bà N1 không thực hiện. Như vậy, Tòa án tiến hành giám định chữ ký theo yêu cầu của bà N là phù hợp pháp luật.

Sau khi được thông báo Kết luận giám định số: 1955/C09B ngày 07/5/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, lo ngại có bất lợi nên bà N1 khiếu nại việc Tòa án cấp phúc thẩm cho bà N giám định nhưng không khiếu nại, phản đối kết quả giám định. Tuy nhiên, bà N1 cũng xác định nếu kết luận giám định xác định chữ ký tại Tờ cam kết ngày 14/11/2016 là của bà N thì bà không khiếu nại gì.

Xét thấy việc khiếu nại của bà N1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét Tờ cam kết lập ngày 14/11/2016 do ông O cung cấp:

Tại Kết luận giám định số: 1955/C09B ngày 07/5/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh) đã kết luận: *“Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thúy N trên tài liệu cần giám định “Giấy cam kết” đề ngày 14 tháng 11 N1 2016 (ký hiệu A) so với chữ ký Nguyễn Thị Thúy N trên mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là không phải do cùng một người ký ra”*.

Bà N1 đại diện cho ông O xác định không khiếu nại kết quả giám định và cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh bà N đã ký vào Tờ cam kết ngày 14/11/2016 nên kết quả giám định có giá trị pháp lý.

Căn cứ kết quả giám định, có cơ sở xác định bà N không ký tên vào Tờ cam kết ngày 14/11/2016, do vậy tài liệu này không phải là chứng cứ, bà N không bị ràng buộc trách nhiệm theo nội dung tại Tờ cam kết này.

[2.2]. Xét Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 do bà N cung cấp:

Trong quá trình Tòa sơ thẩm giải quyết vụ án, bà N không cung cấp cho Tòa án tài liệu này để Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà N đã giao nộp bản chính tài liệu nhưng bà N1 là đại diện hợp pháp của ông O không tiếp tục yêu cầu giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 có yêu cầu giám định tài liệu nhưng sau đó không thực hiện thủ tục giám định theo yêu cầu của Tòa án.

Xét thấy Tòa án cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện cho bà N1 thực hiện quyền yêu cầu giám định nhưng bà N1 đại diện cho ông O đã từ chối thực hiện quyền của mình. Mặt khác, Tòa án cũng yêu cầu bà N1 và ông O cùng tham gia phiên tòa để đối chất với bà N và các anh em ruột của bà N, ông O về nội dung Tờ cam kết ngày 10/4/2017 và các nội dung có liên quan trong vụ án nhưng ông O vẫn không tham gia phiên tòa, trong khi bà N1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Tờ cam kết ngày 10/4/2017 là có sự giả mạo chữ ký của ông O.

Do vậy, cần xác định Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017 là chứng cứ để xem xét trong vụ án.

[2.3]. Về tỷ lệ phần sở hữu tài sản của ông O, bà N đối với nhà đất tại địa chỉ số 10 đường 34, khu phố 3, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số BB 914679 (cập nhật biến động trở thành tài sản chung của ông Nguyễn Quốc O và bà Nguyễn Thị Thúy N ngày 11/01/2017).

Bà N1 đại diện cho ông O xác định về nguyên tắc ông O và bà N là đồng sở hữu tài sản nên mỗi người thụ hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản nhưng theo cam kết ngày 14/11/2016 thì ông O chỉ có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại thuộc về ông O.

Bà N xác định bà đã cho ông O rất nhiều tiền để trả nợ, sau khi thành đồng sở hữu tài sản, bà còn bỏ tiền sửa chữa, trang bị thêm tiện nghi cho ngôi nhà nhưng bà đồng ý mỗi người thụ hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản.

Theo phân tích tại mục [2.1], Tờ cam kết ngày 14/11/2016 không có giá trị chứng cứ, bà N1 không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh ông O được hưởng phần nhiều hơn nên bà N và ông O mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản. Giá bán tài sản được các bên xác định là 1.200.000.000 đồng, bà N và ông O mỗi người sẽ được hưởng 600.000.000 đồng.

[2.4]. Xét kháng cáo của bà N:

Bà N1 đại diện cho ông O xác định ông O đã được bà N giao số tiền là 625.359.040 đồng, theo phân tích tại mục [2.3], ông O đã nhận nhiều hơn phần được hưởng là 25.359.040 đồng. Như vậy, bà N không có nghĩa vụ trả thêm tiền cho ông O.

Xét Tờ cam kết lập ngày 10/4/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy bà N đã giao cho ông O số tiền 800.000.000 đồng (tiền trả nợ ngoài của ông O, tiền chia tài sản khi ly hôn với bà Lường vợ ông O), giao cho ông O 300.000.000 đồng, bà N chỉ giữ lại số tiền 108.000.000 đồng để giúp cho ông O cấp dưỡng nuôi con (bà N đã thực hiện 34.000.000 đồng), như vậy ngoài số tiền ông O đã khai nhận trực tiếp từ bà N là 625.359.040 đồng, số tiền còn lại lẽ ra bà N được

hưởng nhưng được bà N đã sử dụng để giải quyết nợ giúp ông O, đây là sự tự nguyện của bà N và bà N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định việc ông O yêu cầu bà N trả số tiền bán nhà còn lại là 574.640.960 đồng là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bà N là có cơ sở, được chấp nhận. Sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông O.

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án do có tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4].Chi phí giám định là 600.000 đồng (do bà N tạm ứng), ông O có trách nhiệm trả lại khoản tiền này cho bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông O không được chấp nhận nên ông O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.985.638 đồng.

[6].Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ các 148, 161, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự N1 2015;

-Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc O có bà Nguyễn Thị N1 là đại diện hợp pháp đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy N về việc ông O yêu cầu bà N giao trả cho ông O số tiền là 574.640.960 (N1 trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi) đồng.

2.Ông Nguyễn Quốc O có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy N khoản chi phí giám định bà N đã nộp là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.985.638 (hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi tám) đồng nhưng được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0008636 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông O phải nộp thêm 8.985.638 (tám triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi tám) đồng là đủ.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0015590 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận H, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Bảo Nguyên**